

CHUYỂN BIẾN TRONG HOẠT ĐỘNG TRỒNG TRỌT CỦA KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH NGƯỜI CƠ HO SRÊ Ở LÂM ĐỒNG TỪ 1986 ĐẾN 2015

Phan Văn Bông

Khoa Tự nhiên và Xã hội, Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt

Tóm tắt. Lâm Đồng là tỉnh thuộc khu vực Nam Tây Nguyên với nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, trong đó có nhóm người Cơ ho Srê. Hoạt động trồng trọt, đóng vai trò quan trọng trong kinh tế các hộ gia đình Cơ ho Srê. Nhìn chung từ 1986-2015, hoạt động trồng trọt của họ đã có những chuyển biến tích cực so với trước, giúp đời sống các hộ gia đình được nâng lên. Tuy vậy sự phát triển trong trồng trọt vẫn chậm, bấp bênh, tình trạng lệ thuộc vào cây lúa, cây cà phê cao, đời sống so với người Kinh trong tỉnh vẫn còn khoảng cách chênh lệch. Bài viết chỉ ra những thành tựu và cả khó khăn trong hoạt động trồng trọt của hộ gia đình Cơ ho Srê trong tỉnh, từ đó nêu ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trồng trọt của họ, góp phần phát triển bền vững kinh tế hộ gia đình người Cơ ho Srê.

Từ khóa: Hoạt động trồng trọt, người Cơ ho Srê, kinh tế hộ gia đình, Lâm Đồng.

1. Mở đầu

Tỉnh Lâm Đồng có 43 dân tộc sinh sống, trong đó người Cơ ho đứng thứ hai dân số toàn tỉnh (sau người Kinh), đông nhất trong các tộc người gốc Tây Nguyên tại đây. Người Cơ ho bao gồm nhiều nhóm địa phương: Cơ ho Srê, Cơ ho Nộp, Cơ ho Chil, Cơ ho Lạch, Cơ ho T'ring, Cơ ho Cờ dòn. Đến năm 2015, số người Cơ ho tại Lâm Đồng là 166.391 người [2], trong đó, nhóm Cơ ho Srê chiếm số lượng đông nhất 94.945 người (số liệu của Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – PC64, Công An tỉnh Lâm Đồng), tập trung chủ yếu tại Di Linh, Đức Trọng, Lâm Hà,...

Trong hoạt động kinh tế của hộ gia đình người Cơ ho Srê, trồng trọt đóng vai trò quan trọng nhất. Từ 1986 - 2015, hoạt động trồng trọt của người Cơ ho Srê có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần làm cho kinh tế hộ gia đình có bước phát triển, bên cạnh đó vẫn còn những khó khăn, thách thức cần phải có giải pháp để giúp phát triển bền vững hơn. Chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu, khảo sát hoạt động trồng trọt của 400 hộ gia đình người Cơ ho Srê ở hai địa phương chính là Di Linh và Đức Trọng để đưa ra thực trạng và từ đó tìm kiếm những giải pháp nhằm góp phần phát triển bền vững kinh tế hộ gia đình người Cơ ho Srê nói riêng và các dân tộc thiểu số (DTTS) Lâm Đồng nói chung.

2. Nội dung nghiên cứu

Người Cơ ho Srê sống tập trung chủ yếu tại các buôn làng (*bòn*) tại tỉnh Lâm Đồng, hoạt động kinh tế chủ đạo của người dân là trồng trọt và chăn nuôi. Trong hoạt động kinh tế, trồng

Ngày nhận bài: 12/1/2021. Ngày sửa bài: 22/1/2021. Ngày nhận đăng: 12/2/2021.

Tác giả liên hệ: Phan Văn Bông. Địa chỉ e-mail: bongphanvan@gmail.com

trọt chiếm tỉ lệ lớn đối với kinh tế hộ người Cơ ho Srê. Từ năm 1986 đến năm 2015, trồng trọt đã có nhiều chuyển biến góp phần phát triển kinh tế hộ gia đình, tạo giá trị thu nhập tốt hơn so với trước đây. Chính vì vậy việc nghiên cứu “*Chuyển biến trong hoạt động trồng trọt của kinh tế hộ gia đình người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ 1986 đến 2015*” có ý nghĩa lớn trong việc nghiên cứu về sự phát triển của lịch sử kinh tế địa phương và kinh tế vùng đặc biệt khó khăn ở Lâm Đồng.

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau:

2.1. Phương pháp quan sát

Nhằm thu thập những thông tin cơ bản và biểu hiện trong kinh tế và những chuyển biến trong kinh tế từ 1986-2015 của người Cơ ho Srê. Chúng tôi đã tiến hành quan sát trực tiếp và quan sát gián tiếp hoạt động trồng trọt của người Cơ ho Srê ở hai huyện Di Linh và Đức Trọng, Lâm Đồng.

2.2. Phương pháp điều tra bằng phiếu khảo sát

Trong nghiên cứu này chúng tôi tiến hành điều tra bằng phiếu khảo sát đối với các hộ người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng nhằm thu thập một số thông tin mang tính khách quan với những câu hỏi mở về vấn đề nghiên cứu. Tác giả điều tra tập trung về sự chuyển biến trong hoạt động trồng trọt của kinh tế hộ gia đình người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ 1986 đến 2015.

Quá trình thực hiện, tác giả xây dựng và phát phiếu điều tra với 400 mẫu khảo sát, trong đó 200 mẫu tại xã Bảo Thuận, 150 mẫu tại thị trấn Di Linh (huyện Di Linh) và 50 mẫu tại xã Nthol Hạ (huyện Đức Trọng).

2.3. Phương pháp phỏng vấn sâu

Với mục đích thu nhập thông tin, bổ sung và làm rõ hơn những số liệu đã thu được từ việc tìm hiểu và nghiên cứu trên địa bàn. Chúng tôi đã phỏng vấn trực tiếp già làng, những người có uy tín người Cơ ho Srê, phỏng vấn lãnh đạo các cấp về hưu và đương chức trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, phỏng vấn chuyên gia về lĩnh vực lịch sử địa phương, kinh tế địa phương về sự chuyển biến trong hoạt động trồng trọt của kinh tế hộ gia đình người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ 1986 đến 2015.

2.4. Phương pháp xử lý kết quả nghiên cứu bằng thống kê toán học

Dựa vào phần mềm SPSS phiên bản 22.0 để phân tích kết quả điều tra nhằm đưa ra kết quả khách quan khoa học cho vấn đề nghiên cứu.

2.5. Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu

Đối với nghiên cứu này, để có sự hiểu biết về người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng không thể thiếu việc tham khảo tài liệu. Các loại tài liệu được chúng tôi sử dụng cho nghiên cứu gồm sách, số liệu thống kê. Để tiếp nhận thông tin từ tài liệu, chúng tôi sử dụng kĩ thuật phân tích và tổng hợp.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Vài nét về hoạt động trồng trọt truyền thống của kinh tế hộ gia đình người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng

Trước năm 1986, nguồn cung cấp lương thực chính cho người Cơ ho Srê là từ trồng trọt lúa nước (*kòi sre*) và lúa rẫy (*kòi mừ*).

Trồng lúa nước (*kòi sre*) là hoạt động lâu đời và thuần thực của người Cơ ho Srê. So với các cư dân Cơ ho Chil, Cơ ho Nộp... hay người Mạ ở Lâm Đồng, hoạt động trồng lúa nước chính là hoạt động giúp đời sống người Cơ ho Srê đỡ túng thiếu hơn. Trước năm 1975, cũng như một số DTTS tại chỗ khác ở Lâm Đồng, đồng bào Cơ ho Srê gần như chỉ làm ruộng nước một vụ với một số giống lúa truyền thống của mình: lúa tẻ như *kòi me* (màu gạo đỏ tím), *kòi jà ak* (gạo màu trắng), *kòi me kọ* (trắng đục),...; lúa nếp như *mpa sur*, *mpa khoah*, *mpa àp*, *mpa*

jù..., đôi khi họ làm thêm một vụ ngăn ngày vào vụ Đông Xuân (*sre tà nòi*) với giống *kòi pàng* (ngăn ngày – khoảng hơn 3 tháng). Sau năm 1975, người Cơ ho Srê tiếp nhận thêm các giống lúa của người Kinh như các giống lúa tẻ thơm, lúa Chiêm, nếp thơm... Để thích nghi với tính chất và thời gian sử dụng của từng loại đất, được sự hướng dẫn của cán bộ người Kinh, đồng bào đã biết lựa chọn nhiều giống lúa khác nhau, trên cánh đồng một số nơi như N’thôn Hạ (Đức Trọng), Đinh Trang Hòa, Gung ré (Di Linh)... làm hai vụ mỗi năm ở các chân ruộng đủ nước.

Ruộng của người Cơ ho Srê có 2 loại: ruộng ở những nơi cao (*sre gôl*) là ruộng dễ bị thiếu nước, khô hạn; ruộng dưới thấp (*sre pô*) là loại ruộng trũng, thường tiện nguồn nước. Trong lựa chọn giống, đồng bào Cơ ho Srê thường xem xét địa hình, tính chất đất, mùa vụ, thời gian canh tác... để chọn giống lúa cho phù hợp. Vụ mùa chính từ khoảng tháng 6, 7 cho đến tháng 11, 12. Sau 1975, đồng bào Cơ ho Srê cũng như các DTTS khác đã biết lựa chọn giống lúa mới ngăn ngày hơn, có năng suất cao hơn, loại bỏ 80 – 90% giống lúa cũ [9;132]. Giống như các tộc người trồng lúa nước, việc chọn giống là công việc hết sức quan trọng. Thông thường, việc chọn giống do những người cao tuổi, người vợ trong gia đình đảm nhiệm. Lúa giống được chọn để vào các *gùi* treo trên nhà dành cho gieo sạ mùa sau.

Kỹ thuật làm đất ruộng của người Cơ ho Srê khá thuần thực. Trong canh tác truyền thống, đối với ruộng *sre pô* trũng lầy, đồng bào cho đàn trâu xuống quần [8;18], dùng xà bách lớn (gân giống cuốc người Kinh nhưng lưỡi xéo) sửa đất tương đối bằng phẳng, sau đó dùng một khúc cây khá nặng, dài khoảng 3m (*cor*) kéo qua để lấy mặt bằng sau đó mới sạ (*sih kòi*). Khi sạ, người ta để giống ở *gùi* trước ngực đi theo “vòng tròn ngược chiều kim đồng hồ từ giữa ra rìa ruộng” [3;73] rải đều ra mặt ruộng. Đối với ruộng *sre gôl*, người Cơ ho Srê sử dụng kỹ thuật làm ải đất rất tốt. Theo kết quả phỏng vấn của chúng tôi, người Cơ ho Srê làm đất qua 4, thậm chí 5 công đoạn: Cày lần 1 (*lor or*), cày lần 2 (*lât*), hai lần này cách nhau gần một tháng. Sau đó, người nông dân bắt đầu bừa làm phẳng ruộng và sục bùn, bừa lần 1 (*sokam jroăh*), bừa lần 2 (*sokam klêt*), dùng cây *cor* có người đứng trên do trâu kéo, tiếp đến dùng xà bách sửa chữa lại mặt ruộng lần nữa rồi mới sạ. Khác với một số tộc người, người Cơ ho Srê sử dụng trâu đôi trong cày, bừa (không sử dụng bò). Khoảng mùa vụ đầu những năm 80 (thế kỉ XX), đồng bào được sự hướng dẫn của cán bộ người Kinh có tiến hành cày, tuy nhiên sau đó bỏ, do không phù hợp với thói quen của người Cơ ho Srê.

Khi lúa lên, người ta tháo nước vào ruộng (*yô dà sre*) xâm xấp, người Cơ ho Srê sạ khá dày, cho nên họ không có thói quen làm cỏ và cũng không dặm lại lúa ở những chỗ thưa giống như người Kinh. Đặc biệt, họ rất coi trọng Thần lúa (*Yàng kòi*) nên không sử dụng phân bón. Về cơ bản, từ lúc sạ cho đến khi thu hoạch, việc chăm sóc của đồng bào là rất ít (trừ việc tháo nước, hoặc tát nước lên ruộng khi ruộng thiếu nước). Đến những năm 80 (thế kỉ XX), việc chăm sóc lúa được thực hiện nhiều hơn, đồng bào bắt đầu biết làm cỏ, dặm lúa và sử dụng phân bón. Nếu như trước năm 1975, sản lượng của một ha lúa khoảng 30 – 40 *gùi* (đụng cụ đựng của người Cơ ho), mỗi *gùi* nặng khoảng 30 – 40kg, tính ra khoảng 1,3 – 1,5 tấn/1 ha thì từ những năm 1978 – 1979, “ruộng lúa nước cho năng suất cao, trung bình 20 tạ/ha” [9;214]. Đến năm 1984, năng suất lúa bình quân tăng “đạt 23,6 tạ/ha gieo trồng” [1;119].

Bên cạnh trồng lúa nước, hoạt động nương rẫy cũng đóng một phần quan trọng trong đời sống người Cơ ho Srê. Sau khi đốt rẫy, người Cơ ho Srê chỉ canh tác 2 – 3 năm thì chuyển sang rẫy mới, vòng quay của đất rẫy là 10 - 15 năm. Sau năm 1975, do sức ép của chính sách di dân và Nhà nước tổ chức khai hoang ở nhiều nơi làm cho diện tích rẫy của người DTTS giảm nên họ canh tác 4 - 5 năm và thậm chí lâu hơn, vòng quay chỉ còn 5 - 7 năm; nhất là trong những năm 1981 – 1982 trở đi, chính sách định canh, định cư của Nhà nước đối với DTTS, đồng thời quỹ đất hạn chế đã giảm hẳn việc đốt rừng làm rẫy mới.

Trên rẫy truyền thống của mình, người Cơ ho Srê trồng lúa (*kòi mir*), trồng bắp, đậu, sắn, các loại bầu, bí, dưa... Lúa và bắp là 2 loại lương thực được trồng nhiều nhất trên rẫy. Canh tác

rẫy của người Cơ ho Srê là xen canh, người ta trộn chung các hạt giống với nhau; trong đó lúa là chủ đạo. Phương thức gieo truyền thống của đồng bào là chọc lỗ tra hạt, trong một lỗ có nhiều loại hạt sẽ mọc lên. Sở dĩ người Cơ ho Srê trồng nhiều loại cây cùng một chỗ vì vòng đời của nó và sự thuận tiện trong công việc. Lúa rẫy khoảng 5 – 5,5 tháng mới thu hoạch; trong khi đó, bắp, đậu khoảng 3 tháng, các loại rau thì sớm hơn.

Hoạt động làm ruộng nước và nương rẫy thường đòi hỏi nhiều lao động nên người Cơ ho Srê có truyền thống vần công, đổi công để giúp đỡ nhau, nhất là trong làm đất ruộng, phát rẫy, thu hoạch... sau năm 1975, Nhà nước đã cho thành lập các tổ vần, đổi công nam thanh niên, nữ thanh niên, tổ trung niên...

Ngoài làm ruộng nước và rẫy, trồng trọt vườn cũng đóng vai trò khá quan trọng trong đời sống cư dân Cơ ho Srê. Trên đất vườn, người nông dân chủ yếu trồng màu, rau... mảnh vườn đa canh tự cấp, tự túc cạnh nhà rất quan trọng trong đời sống của đồng bào khi điều kiện chợ búa và lưu thông hàng hoá chưa phát triển.

2.2.2. Chuyển biến trong hoạt động trồng trọt của các hộ gia đình Cơ ho Srê từ 1986 - 2015

2.2.2.1. Những thành tựu đạt được

Sau năm 1986, tỉnh Lâm Đồng thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn, bắt đầu từ việc triển khai thực hiện Khoán 10, tiến tới giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân (1993), phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, đặc biệt phát huy vai trò của kinh tế hộ gia đình trong sản xuất nông nghiệp. Trong phát triển nông thôn, tập trung ổn định vùng DTTS, thực hiện công tác định canh, định cư, xóa đói, giảm nghèo. Phát triển kinh tế hộ gia đình trong đồng bào DTTS (kinh tế vườn rừng, cây công nghiệp ...) là ưu tiên hàng đầu, chuyển nền kinh tế từ tự cấp, tự túc sang nền kinh tế hàng hóa. Kết quả, nền nông nghiệp tỉnh phát triển mạnh, nhiều vùng chuyên canh được hình thành, cơ cấu giống cây trồng được thay đổi cho phù hợp, vấn đề lương thực được giải quyết. “Sản lượng lương thực liên tục tăng, năm 1990, đạt 127.126 tấn và năm 2000, đạt 156.060 tấn (tăng 22,7 % so với năm 1990). Diện tích các cây trồng chủ lực đều tăng mạnh, đến năm 2000 toàn tỉnh có 32.662 ha lúa (gieo trồng); 12.385 ha ngô; 18.879 ha rau; 1120 ha hoa; có 21.606 ha chè; 124.359 ha cà phê; 3.664 ha dâu tằm; 8.149 ha điều; 6.067 ha cây ăn quả” [7;9]. Trong sự chuyển biến chung của hoạt động trồng trọt của tỉnh Lâm Đồng, sản xuất trồng trọt của người Cơ ho Srê cũng thay đổi nhanh chóng.

Nghề trồng lúa nước (kòl sre) có điều kiện phát triển, vùng chuyên canh lúa nước được mở rộng.

Theo kết quả khảo sát trên 400 mẫu, 100% các hộ có đều đất canh tác trồng trọt; trong đó, 96,5% có đất trồng lúa.

Bảng 1. Diện tích cho trồng lúa

Diện tích cho trồng lúa	1975-1986		1986-2015	
	Tần số	Tỉ lệ (%)	Tần số	Tỉ lệ (%)
Dưới 10.000 m ²	299	80.6	369	95.6
Từ 10.000 m ² -20.000 m ²	67	18.1	17	4.4
Trên 20.000 m ²	5	1.3	0	0.0
N	371	100.0	386	100.0

Nguồn: Số liệu khảo sát

Về diện tích, nếu như trước năm 1986, nhiều ruộng đất trồng lúa nước của đồng bào Cơ ho Srê bị hoang hóa do đất đai đưa vào hợp tác xã, bà con không có động lực lao động sản xuất, hoặc do thiếu nước, thiếu phân, giống... Từ 1986 trở đi, do có cơ chế đổi mới, đồng bào Cơ ho

Srê ở Lâm Đồng đã phục hóa những cánh đồng bị bỏ hoang như làng Bojờ, Bơ Kào (Tân Châu, Di Linh), Hàng Pior, K'Rọt dòng (Bảo Thuận, Di Linh)..., đồng thời tiếp tục khai phá thêm các chân ruộng mới nhờ vào nguồn nước tưới từ các công trình thủy lợi mang lại. Trong các năm từ 2001 - 2010, tỉnh Lâm Đồng đã đầu tư 17 công trình thủy lợi nhỏ vùng đồng bào DTTS với tổng mức đầu tư 198,46 tỉ đồng, đã bố trí kế hoạch vốn 57,864 tỉ đồng, gồm: 271 hồ chứa, 283 đập dâng, 76 công trình cống với 500 km kênh mương [6]. “Diện tích ruộng nước ở các huyện có người Cơ ho cư trú vào thời điểm năm 2000 tăng lên đáng kể: Lạc Dương 1.277 ha, Di Linh 2.414 ha, Đức Trọng 5.107 ha, Lâm Hà 2.784 ha...” [3;95]; Năm 2015: Di Linh 3.275 ha, Đức Trọng 4.337 ha, Lâm Hà 2.463 ha ... [2;213].

Về cơ sở vật chất kỹ thuật, từ 1986 - 2015, người Cơ ho Srê với nghề trồng lúa nước lâu đời, kỹ thuật canh tác khá thuần thục đã tích cực thâm canh, nâng cao năng suất lúa. Việc sử dụng trâu làm sức kéo trong khâu làm đất dần thay thế bởi máy móc, nhất là giai đoạn 2000 - 2015, hầu hết các gia đình Cơ ho Srê làm ruộng đều sử dụng máy cày, việc sử dụng trâu trong khâu làm đất từng bước loại bỏ. Ở những nơi có đủ nguồn nước, người dân trồng được 2 vụ lúa (Hè - Thu và Xuân - Hè); những nơi dựa vào nước tự nhiên chỉ trồng được 01 vụ (Hè - Thu). Giai đoạn 1975 – 1986, vụ lúa chính (Hè - Thu) kéo dài đến tháng 12 (dương lịch); sau 1986, để phù hợp với thời gian thu hoạch cà phê vào khoảng tháng 12 và tháng 01 dương lịch, bà con bắt đầu sạ từ khoảng cuối tháng 7, đầu tháng 8 đến khoảng giữa tháng 10, đầu tháng 11 (dương lịch) thu hoạch. Cá biệt, do thói quen vẫn còn có nơi vụ mùa này kéo dài đến tháng 12, như: thôn Hàng Làng, Klong Trao... (Gung Ré, Di Linh). Từ năm 1986, bên cạnh những nông cụ truyền thống, bà con trang bị thêm máy tuốt lúa thủ công (trước năm 1995), máy cày, bừa, gặt, gặt đập kết hợp, bơm nước, bình phun thuốc... Việc sử dụng các kỹ thuật khác như bón phân, phun thuốc sâu, thuốc cỏ, dặm lúa, làm cỏ... được thường xuyên sử dụng trong quy trình làm lúa.

Bảng 2. Công cụ sản xuất, máy móc của hộ

Công cụ sản xuất, máy móc của hộ gia đình	1986-2015	
	Tần số	Tỉ lệ (%)
Cày	246	61.5%
Cuốc	384	96.0%
Xẻng	371	92.8%
Liềm, hái, dao	348	87.0%
Dụng cụ tẻ ngô	96	24.0%
Máy tuốt lúa thủ công	65	16.2%
Máy cày, bừa	229	57.2%
Máy gặt	11	2.8%
Máy bơm nước	207	51.8%
Máy xay, sát lúa gạo	4	1.0%
N	400	

Nguồn: Số liệu khảo sát

Trước đây, đồng bào Cơ ho Srê, sau mỗi mùa vụ đều trừ giống lúa cho vụ mùa sau, nhưng khi kinh tế hàng hóa phát triển mạnh, hệ thống dịch vụ ngày càng tốt, các giống lúa cũ cho năng suất không cao nên bà con chủ yếu mua giống lúa lai thương phẩm (giống người Kinh dưới xuôi) từ các cửa hàng, đại lý nông nghiệp. Riêng giống lúa nếp đen địa phương (*mbar jù*) vẫn

được bà con nhiều nơi duy trì, đây là giống lúa nếp được ưa chuộng không chỉ ở đồng bào Cơ ho Srê mà cả người Kinh và các DTTS khác.

Về sản lượng đối với lúa nước, giai đoạn 1986 về trước, theo điều tra của chúng tôi sản lượng lúa khoảng 2,3 – 2,6 tấn/ha; từ sau 1986, sản lượng lúa không ngừng tăng; đến năm 2015, sản lượng lúa khoảng từ 4,5 – 6 tấn/ha. Sự phát triển của trồng lúa nước góp phần quan trọng trong xóa đói, giảm nghèo ở đồng bào Cơ ho Srê. Từ những năm 1995 trở đi, sản xuất lúa nước ở nhiều hộ gia đình không chỉ đủ ăn mà còn bán ra bên ngoài (một điều chưa có trước đó).

Trồng trọt vườn và nương rẫy có sự chuyển đổi mạnh mẽ trong mục đích sử dụng đất và chuyển dịch cơ cấu cây trồng.

Về diện tích canh tác, giai đoạn 1975 - 1986, đất vườn, rẫy trồng xen canh sắn, ngô, đậu, lúa,... chỉ một ít trồng cà phê, năng suất thấp, nhiều rẫy bị bỏ hóa (24/400 hộ được hỏi có đất bỏ hoang). Cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 (thế kỉ XX), cây công nghiệp dài ngày được chú trọng, từ đây diện tích cây công nghiệp không ngừng tăng lên. Đối với cây cà phê, năm 1976, toàn tỉnh có 1.544 ha, đến năm 1986 có 11.085 ha [6;11], đến năm 2015 diện tích cây cà phê toàn tỉnh 158.944 ha, trong đó tập trung chủ yếu ở Di Linh (41.687 ha), Lâm Hà (40.459), Bảo Lâm (30.359 ha)... [2;254]. Cùng với thay đổi của tỉnh, đất vườn, rẫy của các hộ người Cơ ho Srê tăng lên do chính sách cấp đất của nhà nước (Quyết định số 132/2002/QĐ-TTg ngày 8/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số), do khai hoang, phục hóa... Có nhiều gia đình ở Tân Châu, Gung Ré, Bảo Thuận, Đình Lạc, Đình Trang Hòa... (Di Linh), Chi Rông 1,2 (Phú Hội, Đức Trọng)... có tổng diện tích đất canh tác từ 2 ha trở lên, cá biệt có hộ trên 10 ha.

Bảng 3. Tổng diện tích đất canh tác

Tổng diện tích đất canh tác	1986 – 2015	
	Tần số	Tỉ lệ (%)
Dưới 10.000 m ²	122	30.5
Từ 10.000 m ² -20.000 m ²	193	48.3
Từ 20.100m ² -30.000 m ²	66	16.5
Trên 30.000 m ²	19	4.8
N	400	100.0

Nguồn: Số liệu khảo sát

Về kĩ thuật canh tác, phần lớn diện tích đất vườn, rẫy của người Cơ ho Srê đã từng bước chuyển từ tập quán xen canh, đa canh nhiều loại cây sang trồng các loại cây công nghiệp lâu năm, chủ yếu là cà phê, một ít trồng chè. Với đặc điểm cần cù, chịu khó của cư dân trồng lúa nước, người Cơ ho Srê mày mò “học việc” từ các “chuyên gia” người Nùng, người Kinh,... từ sách, báo các chương trình khuyến nông... Kĩ thuật canh tác thay đổi, cào bôn, làm cỏ bón phân, tưới nước, cắt tỉa cành, ghép cây... thay thế cho chọc lỗ, tra hạt, không dùng phân bón và dựa vào nước trời... Kĩ thuật thu hoạch cũng dần thay đổi, ban đầu số lượng cà phê ít và cây còn thấp, người Cơ ho Srê hái tuốt hạt bỏ vào gùi giống như thu hoạch lúa rẫy trước kia; nhưng sau đó, họ học tập người Kinh dùng tấm bạt trải dưới gốc cà phê để hái, nhờ vậy năng suất cao hơn. Giống các cư dân trồng cà phê khác ở Lâm Đồng, công cụ sản xuất có sự cơ giới hóa nhanh chóng, từ khâu làm đất, cho đến khâu thu hoạch, xay sát, vận chuyển; gậy chọc lỗ, xà bách, rựa, rìu, gùi,... được thay thế bằng máy cày, máy phay đất, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy bóc vỏ cà phê, xe công nông...

Việc chọn giống, giữ giống cũng thay đổi. Ban đầu, họ nhặt (mót) những cây con do hạt rơi xuống từ các vườn cà phê, sau này một số hộ được hỗ trợ giống cà phê từ chính quyền, còn đa phần tự mua cây giống, hoặc tự ươm giống.

Năm 1987, ở Bảo Lộc, Di Linh và Đức Trọng, cơ bản mỗi hộ gia đình đồng bào DTTS đều có cà phê vườn với khoảng 200 cây (khoảng 3 sào), nhiều hộ ở huyện Di Linh đã thu hoạch bình quân từ 3 đến 4 tạ cà phê nhân/năm, ở Bảo Lộc nhiều hộ thu hoạch từ 1,5 đến 2,5 tạ/năm [9;189]. Đến năm 2015, theo khảo sát của chúng tôi, nhiều gia đình Cơ ho Srê ở Di Linh, Đức Trọng có từ 2 ha cà phê trở lên, trong đó cà phê vườn chỉ chiếm số lượng nhỏ, chủ yếu là cà phê rẫy, có nhiều gia đình thu từ 5 tấn cà phê/năm trở lên. Trong các vườn, rẫy, cà phê dù không nhiều, nhưng bà con vẫn giữ thói quen xen canh, không để đất trống (*ha ù*), trồng thêm sắn, sắn, sắn, các loại rau, bầu, bí... để cải thiện bữa ăn gia đình hoặc bán ra thị trường.

Năng suất cà phê không ngừng tăng lên, cụ thể: năm 1976, năng suất cà phê của tỉnh 4,8 tạ/ha; năm 1986, 7,48 tạ/ha [5;11]; đến năm 2015, đạt 27,9 tạ/ha [2;256]. Năng suất cà phê của người Cơ ho Srê dao động khoảng 25 - 30 tạ/ha tương đương với bình quân của tỉnh nhưng không cao bằng người Kinh (30 - 35 tạ/ha).

Nếu như ở huyện Di Linh, Lâm Hà, người Cơ ho Srê trồng 2 loại cây chủ đạo là lúa và cà phê, thì ở huyện Đức Trọng, do đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng không thật phù hợp nên diện tích trồng cà phê không nhiều. Trong 50 hộ mà chúng tôi điều tra tại N'thol Hạ, không có hộ nào có diện tích cà phê quá 01 ha, chủ yếu từ 3-5 sào; hay ở xã Hiệp An, Đức Trọng, diện tích cà phê không đáng kể. Ở các khu vực này, đồng bào Cơ ho Srê chuyên đất ruộng và đất rẫy sang trồng hoa, rau màu ... Nhiều hộ đã phát triển trồng trọt theo hướng công nghệ cao, đầu tư nhà kính, hệ thống bơm, tưới, thu hoạch... tự động như hộ ông K'Ku (với 6 sào vườn được đầu tư theo hướng công nghệ cao).

Bảng 4. Những loại cây trồng của hộ gia đình

Loại cây trồng của hộ gia đình	1986-2015	
	Tần số	Tỉ lệ (%)
Lúa nước	376	94.0
Lúa rẫy	1	0.2
Màu (ngô, đậu..)	63	15.8
Hoa, cây cảnh	6	1.5
Rau	74	18.5
Cây ăn quả	12	3.0
Cỏ	4	1.0
Cà phê	361	90.2
Chè	4	1.0
Khác	0	0.0
N	400	225.2

Nguồn: Số liệu khảo sát

Các tổ văn đối công giúp nhau làm đất, gieo sạ, thu hoạch... không còn. Nhưng trong dòng họ, thôn, người Cơ ho Srê vẫn tiếp tục giúp nhau theo kiểu đối công... Tuy nhiên, với cây cà phê, vào mùa thu hoạch, làm cỏ, cắt cành, tưới nước, bón phân..., các hộ đồng bào Cơ ho Srê có ruộng vườn nhiều buộc phải thuê, khoán công. Có nhiều hộ gia đình ở Tân Châu, Liên Đàm... (Di Linh), vào mùa thu hoạch cà phê phải nuôi 20 – 30 lao động ngoài rẫy.

Nhìn chung, từ 1986 – 2015, trồng trọt của đồng bào Cơ ho Srê đã có những thay đổi sâu sắc, trình độ thâm canh cây lúa của đồng bào ngày càng cao, nguồn lương thực từ cây lúa giúp các hộ gia đình thoát khỏi tình trạng thiếu ăn, đảm bảo vấn đề an ninh lương thực. Cây cà phê, cây chè đã từng bước phủ kín các nương rẫy trước đây, diện tích đất hoang gần như không có. Nếu cây lúa đưa bà con thoát đói thì cây công nghiệp nhất là cây cà phê đã đưa họ thoát khỏi nghèo khó, những rẫy cây công nghiệp đã thay đổi đời sống bà con. Khác với các nhóm Cơ ho khác, người Cơ ho Srê trong những năm giá cà phê bấp bênh, đời sống của họ cũng không quá khó khăn vì còn cây lúa... đảm bảo “an ninh lương thực”. Bên cạnh cây lúa, cây công nghiệp, nhiều nơi bà con chuyển đổi đất ruộng lúa, đất rẫy thâm canh rau, màu, hoa... cho hiệu quả kinh tế cao trong điều kiện đất trồng trọt ngày càng thu hẹp, đây là hướng đi mới cần quan tâm.

2.2.2.2. Những vấn đề tồn tại

Dù đạt được những bước tiến dài nhưng trong lĩnh vực trồng trọt của người Cơ ho Srê vẫn còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Tư duy kinh tế tiểu nông, tự cấp tự túc vẫn sâu đậm, tầm nhìn còn ngắn hạn, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn chậm, tính đột phá chưa cao. Đây cũng là vấn đề không chỉ ở người Cơ ho Srê, mà cả các DTTS khác tại Lâm Đồng như nhận định của tác giả Bùi Minh Đạo trong tác phẩm *Một số vấn đề cơ bản của xã hội Tây Nguyên trong phát triển bền vững*: “Ở vùng chuyên canh cây cà phê, dù cây công nghiệp đã có mặt trong sản xuất và giữ vai trò quan trọng trong đời sống và thu nhập, nhưng tư duy kinh tế nương rẫy, du canh, tiểu nông, tự cấp tự túc còn tồn tại đậm nét và nặng nề, thể hiện ở chỗ, người dân chỉ biết sản xuất nông sản với kỹ thuật và năng suất thấp kém, lệ thuộc tự nhiên, các khâu sơ chế, tiêu thụ, thị trường, giá cả vật tư, phân bón đều do người Kinh đảm nhiệm” [4;215,216]. Chính tư duy tiểu nông với tính chất nhỏ lẻ, manh mún là một trong những rào cản khiến kinh tế của người Cơ ho Srê chưa phát triển theo kịp người Kinh trong tỉnh.

Tình trạng độc canh cây lúa, cây cà phê ở một số vùng trong điều kiện đất sản xuất ngày càng giảm, giá cả nông sản bấp bênh. Các hộ gia đình Cơ ho Srê chủ yếu đầu tư công sức, khai thác tài nguyên vốn có, chưa đầu tư kỹ thuật và tri thức nhiều nên sản lượng nông sản còn hạn chế. Khả năng cung ứng và đáp ứng những thay đổi của thị trường còn chậm. Tính tự cấp tự túc, tiểu nông còn thấy rõ, trong các vườn, rẫy của mình bà con xen canh thêm một số cây ăn trái, rau, củ, quả... điều này đảm bảo nhu cầu lương thực, thực phẩm an toàn cho gia đình nhưng lại thiếu tính đột phá trong phát triển giá trị thương phẩm cho thị trường, cũng như tăng cường thu nhập cho gia đình.

Theo khảo sát của chúng tôi, có đến 303/400 hộ thu nhập chính là dựa vào cây cà phê; trong khi đó, giá cà phê thường bấp bênh, không ổn định.

Giá trị của các giống lúa gạo, nếp, bầu, bí, dưa... địa phương chưa được phát huy hiệu quả, giá trị thương phẩm chưa được khuếch trương.

Tác động của quá trình di dân tự do, nhất là giai đoạn 1986 - 2015 đã làm cho dân số Lâm Đồng tăng nhanh, tình trạng khai thác nguồn đất đai, việc luân canh các cây trồng ở các ruộng lúa nước chưa hiệu quả. Tình trạng thiếu đất sản xuất trong đồng bào người Cơ ho Srê vẫn còn khá phổ biến. Trong 400 mẫu khảo sát của chúng tôi, vẫn còn 46 hộ (11,5%) thiếu đất sản xuất, do nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là do nhiều hộ gia đình bán hoặc sang nhượng đất sản xuất.

2.2.3. Những giải pháp để hoạt động trồng trọt trong kinh tế hộ gia đình Cơ ho Srê phát triển bền vững

Thứ nhất, tập trung nguồn lực giải quyết hợp lý vấn đề đất sản xuất. Theo khảo sát 281/400 hộ có nhu cầu cần giúp đỡ để phát triển kinh tế, trong đó 168/281 hộ có nhu cầu về đất sản xuất (59,8%), đây là một con số khá lớn. Chính vì thế, nhà nước cần có sự can thiệp chính sách vào đất đai để bố trí và sử dụng đất hợp lý, như: cấp quyền sử dụng đất; thu hồi diện tích đất đã giao cho các tổ chức, cá nhân... nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả để giao lại cho các hộ thiếu đất; kịp thời chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với đất hoang hóa, đất không có cây

rừng ven sông, suối, đất rừng nghèo kiệt... phù hợp với quy hoạch địa phương để đồng bào yên tâm sản xuất.

Tăng cường quản lý quỹ đất hiện có của đồng bào, kiểm tra, rà soát lại việc mua bán trái phép đất đai trong vùng đồng bào DTTS nói chung và Cơ ho Srê nói riêng trong địa bàn tỉnh Lâm Đồng để có biện pháp xử lý thích hợp. Nghiêm cấm việc mua bán, chuyển nhượng đất trái phép, kiên quyết xử lý sai phạm, phát huy vai trò của chính quyền, Mặt trận, đoàn thể... cũng như các thiết chế khác ở cơ sở, một mặt chế tài, một mặt tăng cường tuyên truyền, vận động, giúp họ ý thức được việc giữ đất làm sinh kế lâu dài cho gia đình.

Thứ hai, chú trọng đến vấn đề hỗ trợ vốn và cơ sở vật chất, hạ tầng cho phát triển kinh tế vùng đồng bào Cơ ho Srê. Theo khảo sát của chúng tôi có 206/281 hộ có nhu cầu hỗ trợ về vốn (73,3%). Điều này cho thấy nhu cầu vốn rất cấp thiết. Vì thế, cần tăng cường nguồn vốn vay từ ngân sách, mở rộng hạn ngạch vốn vay tín dụng từ các ngân hàng thương mại, phát huy tính tương trợ trong dòng họ để huy động nguồn vốn giữa các hộ gia đình với nhau; tránh tình trạng rơi vào bẫy tín dụng đen; hoặc bán, cầm cố sản phẩm, bán non sản phẩm chưa đến thu hoạch cho thương lái. Nguồn vốn đầu tư đến hộ gia đình phải đúng đối tượng, tránh tình trạng cào bằng, hoặc bên trọng bên khinh, cục bộ dòng họ, quen biết... làm mất lòng tin của dân.

Trong quá trình đầu tư, phát triển ở địa phương cần có trọng điểm, tránh dàn trải, chú ý đầu tư các công trình phục vụ cho kinh tế vừa và nhỏ như đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ cho trồng lúa, tưới cà phê, hệ thống cầu cống, đường giao thông nông thôn thuận lợi cho việc vận chuyển phục vụ sản xuất.

Thứ ba, cần đa dạng hóa cây trồng, phát huy các thế mạnh đặc thù trong trồng trọt ở cộng đồng người Cơ ho Srê. Khi đưa ra chính sách, nhà nước cần chú ý đến từng tộc người, nhóm tộc người cụ thể. Người Cơ ho Srê có truyền thống trồng trọt lúa nước lâu đời, vì thế cần phát huy thế mạnh này, phát triển hệ thống thủy lợi, đảm bảo tưới tiêu để thâm canh 2 vụ một năm. Những khu vực nguồn nước hạn chế, chỉ làm được 1 vụ lúa cần có chính sách chuyển đổi giống cây trồng hoặc luân canh trồng các loại cây khác phù hợp trong thời gian thiếu nước. Việc chuyển đổi ruộng lúa sang trồng hoa, màu... ở K'Long (Hiệp An, Đức Trọng) là một ví dụ. Đối với cây cà phê, dù có kinh nghiệm canh tác gần 40 năm nhưng đa phần cà phê được trồng từ những năm 80, 90 (thế kỉ XX). Vì thế, cần phải đầu tư lại các rẫy cà phê phù hợp, trồng mới hoặc ghép cây để đảm bảo chất lượng, năng suất. Tiếp tục thực hiện chương trình tái canh, chuyển đổi giống mới thay cho cây cà phê già cỗi (Kế hoạch tái canh, cải tạo giống cà phê được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 09/5/2013). Những nơi cà phê không hiệu quả, có thể trồng xen canh các loại cây ăn trái thương phẩm như sầu riêng, bơ... (Liên Đàm, Đình Trang Hòa, Gia Hiệp... Di Linh) hoặc chuyển đổi đất trồng cà phê sang trồng hoa, rau, màu... hoặc đầu tư theo hướng nông nghiệp công nghệ cao.

Trong quá trình quan sát, chúng tôi nhận thấy, đồng bào Cơ ho Srê trung bình có khoảng 5 đến 6 sào ruộng lúa, gần 1 ha rẫy cà phê, số diện tích đất không phải ít, nhưng việc phát huy giá trị thương phẩm trên đất đai chưa hiệu quả. Vì thế, việc chuyển đổi đa dạng hóa cây trồng là vấn đề quan trọng, góp phần tăng giá trị thương phẩm trên diện tích đất.

Thứ tư, cần tạo dựng các thương hiệu mang tính “đặc sản” và nâng cao năng lực tiếp cận thị trường cho đồng bào Cơ ho Srê. Những giống lúa truyền thống như gạo đỏ (kôi me), nếp đen (mbar jù)...; những giống rau, quả như dưa gang (ropung kho), bầu hồ lô (n'hông)... là những sản vật rất ngon của người Cơ ho Srê. Để tạo nên “thương hiệu” với những chuỗi giá trị riêng về nông sản trong vùng đồng bào Cơ ho Srê, chính quyền các cấp cần phối hợp với các doanh nghiệp hỗ trợ tận tình cho người dân, nhất là trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực tiếp cận thị trường, điều mà đồng bào Cơ ho Srê còn hạn chế. Từ trước đến nay, đồng bào chủ yếu bán sản phẩm cho các thương lái tại vườn hoặc chở ra đại lí, ngoài ra có bán lẻ ra thị trường và thường xảy ra tình trạng bị thương lái ép giá, bán thấp hơn giá thị

trường. Mặc dù đa phần các hộ gia đình hiện nay đều có smarphone nhưng việc tìm hiểu kỹ thuật canh tác và giá cả thị trường còn hạn chế. Một thực tế cũng cho thấy, người Cơ ho Srê có quan hệ xã hội không rộng, chủ yếu trong cộng đồng tộc người trong bòn mà chưa có sự kết giao rộng rãi với đồng bào khác, nhất là đối với những hộ người Kinh có kinh tế khá giả để nắm bắt kỹ thuật, thông tin thị trường, hoặc nếu có quan hệ thì có vẻ quan hệ đó “không bình đẳng”. Việc nắm vững thông tin thị trường không chỉ giúp bà con bán hàng đúng giá, mà còn tránh bị lôi kéo vào những đợt thay đổi cây trồng, vật nuôi kiểu “phong trào”, biết tính toán lựa chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp với gia đình, địa phương mình. Để làm được điều này, cần phải hướng dẫn cho các gia đình, nhất là người trẻ cách thức tiếp cận và khai thác thông tin thị trường một cách hợp lý.

3. Kết luận

Hoạt động trồng trọt đóng vai trò quan trọng trong kinh tế hộ gia đình của người Cơ ho Srê tại Lâm Đồng. Từ 1986-2015, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta từ trung ương đến địa phương, đã dành rất nhiều quan tâm, ưu đãi cho công cuộc phát triển kinh tế đồng bào các DTTS nói chung và người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng nói riêng. Đồng thời, sự tác động của di dân, khoa học kỹ thuật, kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và khu vực đã làm cho kinh tế hộ gia đình người Cơ ho Srê có nhiều chuyển biến trong đó thể hiện cụ thể ở hoạt động trồng trọt.

Việc áp dụng KHKT vào thâm canh cây lúa đã giúp các hộ gia đình người Cơ ho Srê thoát khỏi tình trạng đói kém trước đây. Trong khi đó, việc phát huy giá trị thị trường từ cây công nghiệp, nhất là cây cà phê giúp đồng bào từng bước thoát nghèo, điều kiện kinh tế gia đình nhiều hộ khá giả. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn còn đó những khó khăn, thách thức, đất sản xuất, vốn vẫn còn thiếu, chuyển dịch cơ cấu cây trồng đến nay còn rất chậm, kết cấu hạ tầng tuy đã được cải thiện nhưng còn nghèo nàn, kéo theo thu nhập hộ gia đình chưa cao...

Về lâu dài, để giải quyết vấn đề này cần phải có các giải pháp đồng bộ ở tầm vĩ mô của địa phương Lâm Đồng, đồng thời bản thân các hộ gia đình người Cơ ho Srê phải có ý thức vươn lên làm giàu, tránh tâm lý tự vừa lòng hoặc dựa vào chính sách của Nhà nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] BCH Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, 2010. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng (1975 – 2005)*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Cục thống kê Lâm Đồng, 2015. Niên giám thống kê Lâm Đồng, Đà Lạt.
- [3] Bùi Minh Đạo (chủ biên), Vũ Thị Hồng, 2003. *Người Cơ ho ở Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Bùi Minh Đạo, 2012, *Một số vấn đề cơ bản của xã hội Tây Nguyên trong phát triển bền vững*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Xuân Kiên, 1994. *Chương trình phát triển cây công nghiệp dài ngày - ngắn ngày tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 1994-1995 và đến năm 2000*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, Kho lưu trữ, số 1845, Lâm Đồng.
- [6] Tỉnh ủy Lâm Đồng, 2010. Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế- xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001-2010 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- [7] Tỉnh ủy Lâm Đồng, 14/3/2014. Báo cáo số 223-BC/TU về tổng kết lý luận thực tiễn 30 năm đổi mới ngành nông nghiệp, nông thôn tỉnh Lâm Đồng.

- [8] Cao Thế Trình (chủ nhiệm đề tài), 1996. *Văn hóa truyền thống Cơ ho – Mạ* (đề tài khoa học cấp tỉnh), Lâm Đồng.
- [9] Ủy Ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng, 1989. *Những kết quả nghiên cứu kinh tế – xã hội Lâm Đồng*, Xí nghiệp in Lâm Đồng.

ABSTRACT

Changes in the cultivation activities of the ethnic minority household economy of Coho Sre in Lam Dong from 1986 to 2015

Phan Van Bong

Department of Social and Science, Pedagogical College of Dalat

Lam Dong is a province in the South Central Highlands and also home of many ethnic minorities including the Co ho Sre group. Farming activities plays a vital role in the economy of Co ho Sre households. In general, from 1986-2015, their farming activities have experienced some positive changes compared to the past, which improves the living standard of households. However, the development in cultivation is still slow and precarious. Relying on rice and coffee is still popular, and there is a gap in term of income between the Kinh people in the province. The article points out the achievements and difficulties in this conventional farming activities of Co ho Sre households in the province so as to come up with some solutions to improve the efficiency of their farming activities, contribute to the development and economic sustainability of Co ho Sre households as well.

Keywords: cultivation activities, Co ho Sre, household economy, Lam Dong.